ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA KÌ MÔN TIN LỚP 6

Câu 1. Em truy cập mạng để xem tin tức thì ngẫu nhiên xem được một video có hình ảnh bạo lực mà em rất sợ. Em nên làm gì?
A. Đóng video lại và tiếp tục xem tin tức coi như không có chuyện gì.
B. Chia sẻ cho bạn bè để doạ các bạn.
C. Thông báo cho cha mẹ và thầy cô giáo về điều đó.
D. Mở video đó và xem.
Câu 2. Bạn của em nói cho em biết một số thông tin riêng tư không tốt về một bạn khác cùng lớp. Em nên làm gì?
A. Đăng thông tin đó lên mạng để mọi người đều đọc được.
B. Đăng thông tin đó lên mạng nhưng giới hạn chỉ để bạn bè đọc được.
C. Đi hỏi thêm thông tin, nếu đúng thì sẽ đăng lên mạng cho mọi người biết.
D. Bỏ qua không để ý vì thông tin đó có thể không đúng, nếu đúng thì cũng không nên xâm phạm vào những thông tin riêng tư của bạn.
Câu 3: Để bảo vệ dữ liệu trên máy tính khi dùng internet, em cần làm gì?
A. cài đặt và cập nhật phần mềm chống virus
B. tải các phần mềm ứng dụng không rõ nguồn gốc về máy tính
C. cung cấp thông tin cá nhân trên mạng xã hội
D. truy cập vào các liên kết lạ
Câu 4: Em nên làm gì với các mật khẩu dùng trên mạng của mình?
A. Cho bạn bè biết mật khẩu nếu quên còn hỏi bạn
B. Sử dụng cùng một mật khẩu cho mọi thứ
C. Thay mật khẩu thường xuyên và không cho bất cứ ai biết
D. Đặt mật khẩu dễ đoán cho khỏi quên
Bài 10. Sơ đồ tư duy.
Câu 5. Sơ đồ tư duy là gì?
A. Một sơ đồ trình bày thông tin trực quan bằng cách sử dụng từ ngữ ngắn gọn, hình ảnh, các đường nối để thể hiện các khái niệm và ý tưởng.
B. Văn bản của một vở kịch, bộ phim hoặc chương trình phát sóng,
C. Bản vẽ kiến trúc một ngôi nhà.
D. Một sơ đồ hướng dẫn đường đi.
Câu 6. Thông tin trong sơ đồ tư duy thường được tổ chức thành:
A. tiêu đề, đoạn văn.
B. Chủ đề chính, chủ đề nhánh,
C. mở bài, thân bài, kết luận.
D. chương, bài, mục.
Trả lời
Sơ đồ tư duy thường được tạo ra từ một chủ đề chính, sau đó phát triển các chủ đề nhánh xung quanh.
Bài 11. Định dạng văn bản
Câu 7: Phần mềm soạn thảo văn bản không có chức năng nào sau đây?
A. Nhập văn bản
B. Sửa đổi, chỉnh sửa văn bản

LIVEWORKSHEETS

C. Lưu trữ và in văn bản

D. Chỉnh sửa hình ảnh và âm thanh

Câu 8: Muốn chèn hình ảnh vào văn bản, ta thực hiện lệnh nào sau đây:

A. Insert -> Clip Art

B. Insert -> Shape

C. Insert -> Picture

D. Insert -> SmartArt

Câu 9. Nút lệnh bên dùng để làm gì?

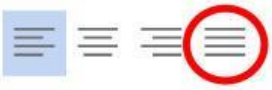

A. Căn lề trái.

B. Căn lề phải

B. Căn lề giữa

D. Căn lề 2 bên

Câu 10. Để đặt lề cho trang văn bản, trên thẻ Page Layout vào nhóm lệnh Page Setup sử dụng lệnh:

A. Orientation.

B. Size.

C. Margins.

D. Columns.

Câu 12. Phát biểu nào trong các phát biểu sau là sai?

A. Bảng giúp trình bày thông tin một cách cô đọng.

B. Bảng giúp tìm kiếm, so sánh và tổng hợp thông tin một cách dễ dàng hơn.

C. Bảng chỉ có thể biểu diễn dữ liệu là những con số.

D. Bảng có thể được dùng để ghi lại dữ liệu của công việc thống kê, điều tra, khảo sát,...

Câu 13. Nội dung của các ô trong bảng có thể chứa:

A. Kí tự (chữ, số, kí hiệu,...).

B. Hình ảnh.

C. Bảng.

D. Cả A, B, C.

Câu 14. Để chèn một bảng có 30 hàng và 10 cột, em sử dụng thao tác nào?

A. Chọn lệnh Insert/Table, kéo thả chuột chọn 30 hàng, 10 cột.

B. Chọn lệnh Insert/Table/Table Tools, nhập 30 hàng, 10 cột.

C. Chọn lệnh Insert/Table/Insert Table, nhập 30 hàng, 10 cột.

D. Chọn lệnh Table Tools/Layout, nhập 30 hàng, 10 cột.

Câu 15: Trình bày thông tin ở dạng bảng giúp em

A. biết được nguồn gốc thông tin để có thể dễ dàng tìm kiếm và tổng hợp thông tin

B. tạo và định dạng văn bản

C. có thể tìm kiếm và sao chép mọi thông tin

D. trình bày thông tin một cách cô đọng, có thể dễ dàng tìm kiếm, so sánh, tổng hợp được thông tin.

Câu 16: Những Nút lệnh dưới đây có chức năng:

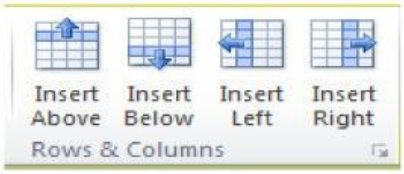

A. Chèn thêm hàng, cột

B. Điều chỉnh kích thước dòng, cột

C. Căn chỉnh lề, hướng của văn bản trong ô

D. Gộp tách ô, tách bảng

Câu 17: Bạn An đã nhập số hàng, số cột như hình để tạo bảng. Bảng được tạo sẽ có:

A. 8 cột, 22 hàng

C. 35 cột, 4 hàng

B. 35 cột, 35 hàng

LIVEWORKSHEETS

D. 4 cột, 4 hàng

Câu 18: Khi thực hiện lệnh: Home ->Editing -->Replace có nghĩa là:

A. Thực hiện thay thế
B. Thực hiện tìm kiếm
C. Xuất hiện hộp thoại Find and Replace
D. Xóa lệnh thực hiện

Câu 19: Muốn xóa bảng, sau khi chọn cả bảng, em nháy chuột phải vào ô bất kì trong bảng rồi chọn lệnh:

A. Delete Rows
B. Delete Table
C. Delete Columns
D. Delete Cells

Câu 20: Để tạo bảng ta có thể chọn nút lệnh:

A.
B.
C.
D.

Câu 21: Hãy chỉ ra thứ tự thực hiện các từ cần bước sau để nhận được cách tìm tất cả những chỗ xuất hiện một từ cần thay thế bằng một từ khác:

1. Nháy chuột vào lệnh Replace all
2. Nhập từ cần thay thế vào ô Replace With.
3. Nhập từ cần tìm vào ô Find What.
4. Nháy chuột vào lệnh Replace để mở hộp thoại Find and Replace.

Hình 8

A. 4-3-2-1.
B. 2-3-4-1.
C. 3-3-4-1.
D. 1-3-2-4.

Câu 22: Để tìm kiếm và thay thế em sử dụng hộp thoại:

A. Page Setup

B. Find and Replace

C. Insert Picture

D. Font

LIVEWORKSHEETS

Câu 23. Phím tắt dùng để mở hộp thoại Find and Replace là:

A. Ctrl + A

B. Ctrl + H

C. Ctrl + E

D. Ctrl + Alt + A

II. Tự luận

Câu 1 Trước các tác hại mà internet gây ra, em hãy đề xuất một số biện pháp để sử dụng internet một cách khoa học và hiệu quả nhất trong thời đại công nghệ số hiện nay.

Đáp án

Học sinh đề xuất được ít nhất 4 biện pháp đúng sẽ được 1,0 điểm:

- Sử dụng internet thời gian vừa phải, để giải trí lành mạnh, hoặc để tham gia học tập, tham khảo kiến thức, không ỷ lại vào nó.
- Không cung cấp những thông tin cá nhân cho người khác.
- Khi sử dụng và chia sẻ thông tin, cần kiểm chứng kĩ lưỡng để tránh thông tin sai sự thật, chứa nội dung xấu, lừa đảo hoặc vi phạm pháp luật.
- Chỉ truy cập vào những trang web lành mạnh, nghiêm túc.
- Không cung cấp những thông tin cá nhân của mình cho người khác.
- Sử dụng phần mềm diệt virus...)

Câu 2: Ghép mỗi lệnh ở cột bên trái với ý nghĩa của chúng ở cột bên phải cho phù hợp.

1) Insert Left	1 - c	a) Chèn thêm hàng vào phía trên hàng đã chọn.
2) Insert Right	2 - d	b) Chèn thêm hàng vào phía dưới hàng đã chọn.
3) Insert Above	3 - a	c) Chèn thêm cột vào phía bên trái cột đã chọn.
4) Insert Below	4 -b	d) Chèn thêm cột vào phía bên phải cột đã chọn.

Câu 3. Minh thấy rằng gần đây máy tính của bạn ấy chạy chậm hơn. Bạn ấy nghi ngờ rằng có điều gì đó không ổn với máy tính của mình. Khi mở trình duyệt web trên máy tính, bạn ấy nhận ra rằng có các thành phần bổ sung trong trình duyệt của mình. Điều gì có thể đã xảy ra và bạn ấy nên làm gì?

Câu 4. Nếu thấy đường liên kết hoặc thư điện tử có chủ đề gây tò mò được gửi từ một người không quen biết thì em sẽ làm gì? Vì sao?

LIVEWORKSHEETS

Trả lời: Nếu nhận được thư đó, bạn không nên mở liên kết hoặc thư điện tử đó, vì liên kết hoặc thư điện tử đó có thể chứa những Virus hoặc có thể trao đổi với bố mẹ hoặc thầy cô về sự việc đó và xin lời khuyên từ mọi người.

Câu 5. Ghép tác dụng của lệnh ở cột bên trái với môi nút lệnh tương ứng ở cột bên phải cho phù hợp.

1) Căn thẳng lề trái.	a)
2) Căn thẳng lề phải.	b)
3) Căn thẳng hai lề.	c)
4) Căn giữa.	d)

Trả lời: Ta nối như sau:

1 – a 2 – c 3 – d 4 – b

Câu 7. Nêu một số tác hại và nguy cơ khi sử dụng Internet

- Thông tin cá nhân bị lộ hoặc đánh cắp
- Máy tính bị nhiễm virus hay mã độc
- Bị lừa đảo, dụ dỗ, đe dọa, bắt nạt trên mạng
- Tiếp nhận thông tin không chính xác
- Nghiện internet, nghiện trò chơi trên mạng

Câu 8. Để chuẩn bị cho buổi dã ngoại, bạn An đã lập danh sách các đồ dùng cần mua với các thông tin như:

- Nước uống: 3 thùng, 120 000/1 thùng.
- Bánh mì: 40 suất, 10 000đ/ 1 suất.
- Khăn lau: 20 gói, 5 000đ/ 1 gói.

Em hãy trình bày các thông tin trên dưới dạng bảng một cách hợp lí, đảm bảo thông tin cô đọng, dễ tìm kiếm, dễ tổng hợp ?

DANH SÁCH CÁC ĐỒ DÙNG CẦN MUA

STT	ĐỒ DÙNG	SỐ LƯỢNG	GIÁ TIỀN	TỔNG TIỀN
1	Nước uống	3	120,000	360,000
2	Bánh mì	40	10,000	400,000
3	Khăn lau	20	5000	100,000
Tổng chi phí				860,000

LIVEWORKSHEETS